| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 04 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thanh Nhanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

2. Ông Ngô Quốc Tiệp.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH Tập đoàn S**.

Địa chỉ: Tổ Dân phố X, xã 2, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Tổ Dân phố X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1991, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh An Giang); (vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1992, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Ấp 3, xã M, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: Ấp 3, xã P, huyện S, tỉnh An Giang); (vắng mặt).

3. Ông **Châu Minh N**, sinh năm 1983; chức vụ: Cửa hàng phó Cửa hàng thành phố Sóc Trăng 2; địa chỉ: Ấp L, phường T, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ cũ: Ấp L, xã T, thị xã L, tỉnh Tiền Giang); (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Tập đoàn S chi nhánh Sóc Trăng, số 00, Đường K, phường L, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: số 00, Đường K, Phường Y, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng).

Là đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 208/UQ/BTGĐ/2025 ngày 14/5/2025 của Công ty TNHH Tập đoàn S.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh ngày 01/01/1985 **– Chủ hộ Kinh doanh Q**, cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã G, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

2. Ông **Đặng Văn Đ**, sinh ngày 10/11/1978.

Nơi đăng ký cư trú: Ấp 3, xã G, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú hiện nay: Ấp Đ, xã G, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Trong Đơn khởi kiện ngày 14/5/2025 của Công ty TNHH Tập đoàn S và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Châu Minh N đều trình bày:*

Từ ngày 04/02/2024 đến ngày 11/11/2024, nguyên đơn là Công ty TNHH Tập đoàn S do Công ty S chi nhánh T có bán cho bà Huỳnh Thị T và ông Đặng Văn Đ là Cửa hàng Q các lô hàng tôn, ống thép mạ kẽm có tổng giá trị là 225.639.161 đồng. Bà T, ông Đ đã nhận đủ số hàng và không khiếu nại gì về số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm do Công ty S chi nhánh T đã bán. Bà T và ông Đ đã thanh toán số tiền 153.374.276 đồng nên còn nợ số tiền là 72.264.885 đồng.

Ngày 06/11/2024, bà Huỳnh Thị T đại diện Cửa hàng Q đã ký xác nhận còn nợ Công ty S số tiền là 72.264.885 đồng. Đến ngày 11/11/2024 số nợ thực tế của bà T là 72.264.885 đồng.

Công ty S chi nhánh T đã nhiều lần yêu cầu các bị đơn bà T và ông Đ thanh toán hết số tiền còn nợ nêu trên nhưng các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà T và ông Đ là chủ sở hữu quản lý và vận hành Cửa hàng Qtrả cho nguyên đơn số tiền 72.264.885 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Toà án có hiệu lực, các bị đơn phải chịu lãi phạt đối với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

*2. Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/9/2025 cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Bà Huỳnh Thị T đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà có đăng ký hộ kinh doanh, được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 8 năm 2019, do bà đứng tên đại diện hộ kinh doanh. Bà mua hàng hoá của nguyên đơn để bán lại.

Bị đơn ông Đặng Văn Đ là chồng bà; bà với ông Đ có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2014. Bà đồng ý trả nợ cho nguyên đơn với số tiền là 72.264.885 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng); đây là nợ chung của bà với ông Đ, vì ông Đ là chồng bà và đứng tên bảo lãnh, số tiền thu nhập từ kinh doanh cũng là dùng chi tiêu, sinh hoạt cho vợ chồng bà.

Do hoàn cảnh kinh tế hiện nay của vợ chồng bà khó khăn, nên bà xin nguyên đơn cho bà trả dần với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

*3. Đối với bị đơn ông Đặng Văn Đ:*

Ông Đặng Văn Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông Đ đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Toà án cũng không lấy lời khai của ông Đ được.

*4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Vụ án này là kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các bị đơn không tham gia tố tụng đầy đủ, chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu buộc các bị đơn trả tiền mua hàng hoá là có cơ sở chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có nơi cư trú hiện nay tại ấp Đ, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp Đ, xã G, thành phố Cần Thơ, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng hoá; nguyên đơn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên, do Phòng Đăng ký kinh

doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ: 22, ngày 27/9/2024; bị đơn bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q có Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh do Phòng Tài chính – Kế hoạch Uỷ ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp, đăng ký lần đầu: ngày 21/8/2019, tên hộ kinh doanh: Hộ Kinh doanh Q, địa điểm: ấp Đ, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng do bà Huỳnh Thị T đại diện hộ kinh doanh; theo biên bản ngày 03/9/2025 của Toà án, thì Uỷ ban nhân dân xã Nhu Gia, thành phố Cần Thơ xác nhận: Hộ Kinh doanh Q hiện nay còn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh như đã nêu trên. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và hợp đồng giao dịch giữa các đương sự đều có mục đích lợi nhuận, các hàng hoá mua bán phù hợp với ngành, nghề kinh doanh nên được xác định là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" trong kinh doanh, thương mại, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Về xác định tư cách đương sự:

Hộ Kinh doanh Q được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và đã ký hợp đồng mua bán với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q; đồng thời, ông Đặng Văn Đ là bị đơn theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Đặng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q đều thống nhất với nhau là có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 15-CN0306/HĐNT/2024 ngày 06/02/2024 (sau đây viết tắt là: Hợp đồng nguyên tắc) giữa bên bán: Công ty TNHH Tập đoàn S – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng với bên mua: Cửa hàng Q có người đại diện là Huỳnh Thị T, chức vụ: Chủ cửa hàng; các Phiếu bán hàng và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/11/2024 theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Toà án và nguyên đơn đã giao hàng hoá cho bị đơn theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử khẳng định nội dung khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng và số hàng hoá mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn là đúng sự thật.

[2.2] Số lượng hàng hoá của nguyên đơn giao cho bị đơn có ký nhận vào Phiếu bán hàng, đồng thời bà T cũng thừa nhận là có nhận các mặt hàng là tôn, thép mạ kẽm với số lượng quy ra thành tiền như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi trừ số tiền đã trả, thì hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn 72.264.885 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng).

Theo Điều 6 của Hợp đồng nguyên tắc thoả thuận về thanh toán và Điều 10 về nghĩa vụ của bên mua thì bên mua là Cửa hàng Q phải thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng; trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng thừa nhận là có nhận hàng hoá của nguyên đơn nay bà còn nợ nguyên đơn số tiền 72.264.885 đồng.

Vì vậy, việc bị đơn không thanh toán tiền mua hàng hoá của nguyên đơn là đã vi phạm Hợp đồng và không đúng quy định của pháp luật như đã viện dẫn trên.

[2.3] Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận"*, nên bị đơn đã nhận hàng hoá thì phải thanh toán tiền cho nguyên đơn tương ứng với giá trị số hàng hoá đã nhận.

[2.4] Bên nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q đều thừa nhận, việc mua hàng hoá của nguyên đơn là do bà T chủ hộ kinh doanh nên ký nhận, nhưng ông Đ là chồng bà T có mặt, đều biết và đồng ý, lợi nhuận từ việc kinh doanh là chi tiêu cho gia đình, nên số tiền nợ nguyên đơn là nợ chung của bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q và ông Đ.

[2.5] Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc các bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại là 72.264.885 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng).

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, tương ứng với số tiền phải trả, cụ thể: 72.264.885 đồng x 5% = 3.613.244 đồng (Ba triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tập đoàn S về việc yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá.

1.1. Buộc các bị đơn bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q và ông Đặng Văn Đ phải liên đới trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Tập đoàn S, tổng số tiền mua hàng hoá tôn, thép còn nợ là 72.264.885 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng).

1.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bị đơn bà Huỳnh Thị T – Chủ hộ Kinh doanh Q và ông Đặng Văn Đ phải liên đới chịu 3.613.244 đồng (Ba triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Tập đoàn S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.807.000 đồng (Một triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001786 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Cao Thanh Nhanh**